BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3717 /BNV-TCBC	*Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2017*

V/v lấy ý kiến tham gia vào Đề án đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập

HỎA TỐC

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 2298
Ngày: 17/7/17
Chuyển: Vụ TH

Kính gửi: - Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và phân công chuẩn bị các Đề án trình Hội nghị Trung ương của Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia bằng văn bản đối với Dự thảo Đề án nêu trên (kèm theo) và gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 25/7/2017 để nghiên cứu, tổng hợp, tiếp thu, hoàn chỉnh Đề án trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ tháng 8/2017./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Thăng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ (để b/cáo);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu VT, TCBC.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CÁN SỰ ĐẢNG BỘ NỘI VỤ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

MẬT

ĐỀ ÁN
ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, TỔ CHỨC LẠI HỆ THỐNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

MỞ ĐẦU

I- SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, TỔ CHỨC LẠI HỆ THỐNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Cùng với quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước, Đảng đã ban hành nhiều văn bản (Nghị quyết, Kết luận, Thông báo) để lãnh đạo việc đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, Quốc hội đã ban hành nhiều Luật chuyên ngành có liên quan đến cơ chế quản lý của các đơn vị sự nghiệp công lập và Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định để tạo hành lang pháp lý cho việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân lực và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc từng ngành, lĩnh vực nói riêng, như: Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP; Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Căn cứ các quy định của pháp luật, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã chủ động sử dụng nguồn tài chính nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả; chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (khám chữa bệnh, đào tạo, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao, thông tin, truyền thông ...); mở rộng hoạt động, phát triển nguồn thu sự nghiệp; tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho viên chức, người lao động; đồng thời chủ động xác định nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch tổ chức và hoạt động; chủ động trong việc thành lập mới, sáp nhập, giải thể các tổ chức sự nghiệp trực thuộc; ký hợp đồng làm việc và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, các đơn vị sự nghiệp công lập chưa chủ động khai thác nguồn thu thực hiện chế độ tự chủ, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước. Mặt khác, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu hưởng thụ dịch vụ sự nghiệp công của xã hội và người dân ngày càng cao và đa dạng, nhất là nhu cầu về dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá và thể dục thể thao... ; nhiều người dân có khả năng chi trả cao để được hưởng thụ dịch vụ công chất lượng cao theo nhu cầu (nhiều người có thu nhập cao đã đi khám, chữa bệnh ở nước ngoài, cho con học tập ở nước ngoài). Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu đó Nhà nước cần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp để nguồn tài chính trong nước không bị chuyển ra nước ngoài, đồng thời cần phải tạo sự cạnh tranh công khai, minh bạch, bình đẳng giữa đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập phù hợp với các quy luật của nền kinh tế thị trường.

Hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay còn cồng kềnh, chồng chéo nhiệm vụ, chưa tinh gọn và chưa phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước, dẫn đến hoạt động của một số đơn vị sự nghiệp công lập hiệu quả thấp, thậm chí không hiệu quả và gây thất thoát. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngày càng tăng, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, y tế nhưng chất lượng hoạt động còn nhiều hạn chế.

Hiện nay, ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp công chiếm khoảng 30% tổng chi ngân sách nhà nước; số lượng viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước bằng 8 lần số lượng cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện. Do đó, để thực hiện cải cách chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cần phải đổi mới cơ chế hoạt động và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho khu vực sự nghiệp gắn với tái cơ cấu ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công.

Để đáp ứng các yêu cầu thực tiễn khách quan nêu trên thì việc tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập là cần thiết.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN

1- Đối tượng nghiên cứu

Luật Viên chức năm 2010, quy định đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước. Như vậy, theo chức năng, nhiệm vụ, thì có thể có 03 loại đơn vị sự nghiệp công lập: đơn vị sự nghiệp công thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công; đơn vị sự nghiệp công thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công vừa thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước, vừa cung ứng dịch vụ công.

Hiện nay, nếu phân theo mức độ tự chủ về tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập được phân thành 04 loại: Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Đối tượng nghiên cứu của Đề án là cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và hệ thống tổ chức, nhân lực của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Cơ chế quản lý đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm: Quản lý nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập (phân cấp, phân quyền); quản trị nội bộ đối với đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan chủ quản đơn vị sự nghiệp công lập và giám sát, đánh giá hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công bao gồm: Cơ chế phân bổ đầu tư của ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công; các chính sách về tài chính công (thuế, giá, phí, tín dụng), tài sản công và đất đai; hạch toán, kế toán, kiểm toán; chuyển sang mô hình doanh nghiệp, hạch toán như doanh nghiệp; cơ chế giao nhiệm vụ gắn với phân bổ kinh phí; cơ chế đặt hàng, đấu thầu; cơ chế tự chủ tài chính; các chính sách về xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Hệ thống tổ chức và nhân lực của các đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm: Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp; việc quản lý, sử dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập...

2- Phạm vi nghiên cứu của Đề án: Từ năm 2011 đến nay.

3- Phương pháp nghiên cứu

- Tổng kết, khảo sát thực tiễn

- Tổ chức hội thảo

- Phương pháp chuyên gia

- Tổng hợp, phân tích, so sánh ...

III. YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2017, Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã giao Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính xây dựng Đề án Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc xây dựng Đề án cần đạt được các nội dung, yêu cầu sau:

1. Đánh giá đúng thực trạng của cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và hệ thống tổ chức, nhân lực của các đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian 2011-2016.

2. Chỉ ra những việc đã làm được, chưa làm được và những khó khăn vướng mắc khi thực hiện. Đặc biệt, phân tích và làm rõ các nguyên nhân chủ quan, khách quan.

3. Đề xuất các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ chủ yếu, giải pháp khả thi, có đột phá, phù hợp với tình hình mới để thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công.

IV. KẾT CẤU CỦA ĐỀ ÁN

Ngoài phần mở đầu, phụ lục, Đề án gồm 03 phần chính sau:

- Phần thứ nhất: Thực trạng cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và hệ thống tổ chức, nhân lực của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2011-2016

- Phần thứ hai: Mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phần thứ ba: Tổ chức thực hiện

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2011-2016

I. CÁC CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1- Các chủ trương của Đảng

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII chỉ rõ: "*Đổi mới tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công theo hướng nâng cao chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và tài chính; xã hội hóa lĩnh vực dịch vụ công, thu hút các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực này*"; "*Đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học; từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin*"; "*Thực hiện cơ chế thị trường và đẩy mạnh xã hội hóa đối với cung cấp các dịch vụ công. Khuyến khích doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công, nhất là các hình thức hợp tác công - tư. Bảo đảm bình đẳng giữa đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập. Đa dạng hình thức xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công như: thí điểm cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công; giao cộng đồng quản lý, cho thuê cơ sở vật chất, tài sản của Nhà nước để kinh doanh cung ứng dịch vụ công và thực hiện cơ chế đơn vị sự nghiệp công hoạt động như doanh nghiệp công ích*".

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã chỉ rõ: *"Hoàn thiện thể chế, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đầy đủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập về phạm vi hoạt động, tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và tài chính gắn với cơ chế đánh giá độc lập. Thực hiện xã hội hoá tối đa các dịch vụ công, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ công theo cơ chế thị trường"; "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực, tinh giản bộ máy, biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị.*

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền

vững đã chỉ rõ: "*Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng hợp lý tỉ trọng chi đầu tư, giảm dần tỉ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ và tinh giản bộ máy, biên chế, thực hiện cải cách tiền lương*".

- Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế đã chỉ rõ:

"a) Đổi mới, cơ cấu lại khu vực sự nghiệp công lập

- Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ đầy đủ về tài chính, tổ chức, biên chế và hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp công lập; tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý, điều chỉnh giá các loại dịch vụ công theo cơ chế thị trường; chuyển từ cơ chế cấp phát sang đặt hàng, từ hỗ trợ cho các đơn vị cung cấp sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng thụ hưởng, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đơn vị sự nghiệp công lập. Khuyến khích doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia phát triển, cung cấp dịch vụ công; phát triển thị trường dịch vụ công có sự quản lý, điều tiết phù hợp của Nhà nước.

- Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện hạch toán như doanh nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện, cổ phần hoá các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện, trừ các bệnh viện, trường học; giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động kém hiệu quả; không để cổ phần hoá thành tư nhân hoá và xã hội hoá thành thương mại hoá dịch vụ công.

b) Tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách và trọng tâm, trong đó: Đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại và giao quyền tự chủ đầy đủ cho các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.".

- Nghị quyết Đại hội Đảng IX đã khẳng định: "*Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hoá, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội*". Văn kiện Đại hội Đảng X đã khẳng định: "*Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo*" và "*Xúc tiến xã hội hóa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin với bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng vùng*". Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đã khẳng định "*Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, đặc biệt là cho những vùng nghèo, người nghèo, bảo đảm những dịch vụ cơ bản cho nhân dân. Đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, vận dụng hợp lý những mặt tích cực của cơ chế thị trường*".

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW) đã chỉ đạo: *"Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực. Phân loại đơn vị sự nghiệp công để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp (hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, từng bước cổ phần hóa, hợp tác công tư ...). Đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động (trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, cơ sở dạy nghề, bệnh viện ...) theo hướng tiếp tục đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, nhân sự và khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài nhà nước, nhất là lĩnh vực giáo dục – đào tạo, y tế, khoa học. Tăng cường kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhân dân đối với hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập"*.

- Thông báo số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị về Đề án "Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công" (sau đây gọi tắt là Thông báo số 37-TB/TW) đã chỉ đạo: "*Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tăng cường đầu tư hàng năm cho xây dựng cơ sở vật chất các hoạt động sự nghiệp công cơ bản, đồng thời có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển dịch vụ sự nghiệp công dưới sự giám sát của Nhà nước ... Đổi mới cơ chế tài chính theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở có tính đến đặc điểm từng loại hình dịch vụ, khả năng và nhu cầu thị trường, trình độ quản lý để xác định mức độ, bước đi phù hợp. Nhà nước trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính và thực hiện có lộ trình việc xóa bỏ bao cấp qua giá, phí dịch vụ. Chuyển đổi cơ chế cấp phát kinh phí sang hình thức đặt hàng trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn của từng loại hình dịch vụ để các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về chi phí thường xuyên*".

- Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020 đã chỉ đạo:

+ Phân định rõ loại dịch vụ do các đơn vị sự nghiệp công thực hiện; loại dịch vụ do các đơn vị ngoài công lập thực hiện; loại dịch vụ do các đơn vị công lập và ngoài công lập cùng thực hiện. Có chính sách khuyến khích thúc đẩy phát triển số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ công; tạo môi trường bình đẳng không phân biệt giữa đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập trong việc cung cấp dịch vụ cho người dân.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp cung cấp những dịch vụ sự nghiệp công có đủ điều kiện, trước hết là các đơn vị sự nghiệp kinh tế, thực hiện cơ chế hoạt động theo mô hình doanh nghiệp và từng bước cổ phần hóa theo quy định. Thực hiện mô hình hợp tác công tư trong cung cấp dịch vụ công theo hướng Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cho doanh nghiệp thuê lại với giá tính đủ để duy tu, bảo dưỡng.

+ Xác định khung giá, phí các loại dịch vụ sự nghiệp công lập, từng bước tính đủ tiền lương, chi thường xuyên theo lộ trình, phù hợp với thu nhập của người dân. Xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công theo 3 mức: (1) Mức giá tính đủ tiền lương; (2) Mức giá tính đủ tiền lương và chi phí quản lý; (3) Mức giá tính đủ lương, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định. Trên cơ sở đó, phân loại các đơn vị sự nghiệp để thực hiện theo 3 mức giá cho phù hợp. Các đối tượng thụ hưởng phải chi trả theo giá, phí dịch vụ ...

- Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI một số vấn đề tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở (sau đây gọi tắt là Kết luận số 64-KL/TW) đã chỉ đạo: "*Đổi mới mạnh mẽ tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công để cung ứng tốt hơn các dịch vụ thiết yếu cho người dân, nhất là các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo. Nhà nước tăng cường đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn khó khăn. Tiếp tục đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tăng cường chức năng quản lý nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài Nhà nước trên cơ sở các định mức, tiêu chuẩn, các quy định của pháp luật và sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước và nhân dân*".

- Kết luận số 23-KL/TW ngày 29/5/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Một số vấn đề tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020" đã chỉ rõ: "*Đối với khu vực sự nghiệp công, đẩy mạnh xã hội hóa, giao thêm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, biên chế và tiền lương cho các đơn vị, có lộ trình thích hợp tính đúng, tính đủ chi phí trong giá dịch vụ phù hợp với khả năng chi trả của người dân theo tinh thần của Bộ Chính trị (Khóa XI) về "Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công*".

2- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập

2.1 Hệ thống các văn bản pháp luật

- Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

- Luật Viên chức năm 2010 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012);

- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001;

- Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016);

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016);

- Bộ luật Lao động;

- Luật Giáo dục nghề nghiệp;

- Luật Giáo dục đại học;

- Luật Khám chữa bệnh;

- Luật Bảo hiểm y tế;

- Luật Đất đai;

- Luật Giá;

- Luật Phí và lệ phí;

- Luật Tài sản công.

2.2 Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục, thể thao;

- Nghị quyết số 40/2012/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện thông báo Kết luận của Bộ Chính trị về đề án đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 40/2012/NQ-CP);

- Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016;

- Nghị quyết số 93-NQ/TW ngày 15/12/2014 về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế;

- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục vào đào tạo;

- Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2006/NĐ-CP);

- Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 115/2005/NĐ-CP);

- Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 96/2010/NĐ-CP);

- Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 85/2012/NĐ-CP).

- Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/6/2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước;

- Nghị định số 112/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý biên chế đối với đơn vị sự nghiệp của nhà nước;

- Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực từ 25/6/2012);

- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 55/2012/NĐ-CP);

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

- Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, công thương, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, sự nghiệp khác);

- Các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

- Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2283/QĐ-TTg ngày 25/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 18/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

- Các Thông tư liên tịch giữa các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực với Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

- Các Thông tư của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý ...

2.3 Nội dung các quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập

2.3.1 Về quản lý nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công. Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể và điều kiện tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực; quy định việc tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý (tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính);

Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các đơn vị sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

2.3.2 Cơ quan chủ quản đơn vị sự nghiệp công lập là cơ quan trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về tổ chức, biên chế, nhân sự, tài chính, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. Cơ quan chủ quản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc; thành lập, giải thể, tổ chức lại các đơn vị thuộc cơ cấu bên trong đơn vị sự nghiệp công; bổ nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp; quyết định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công chưa bảo đảm được kinh phí hoạt động thường xuyên; phê duyệt hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

2.3.3 Về quản trị đơn vị sự nghiệp: Luật Viên chức năm 2010 quy định căn cứ điều kiện cụ thể, yêu cầu quản lý đối với mỗi loại hình đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực, Chính phủ quy định việc thành lập, cơ cấu chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì phải thành lập Hội đồng quản lý.

Còn đối với đơn vị sự nghiệp công khác thì Bộ, ngành, địa phương sẽ quy định việc thành lập Hội đồng quản lý để đáp ứng với yêu cầu quản lý và pháp luật chuyên ngành.

Hội đồng quản lý đơn vị sự nghiệp để quyết định vấn đề quan trọng trong quá trình hoạt động của đơn vị sự nghiệp như: chiến lược, kế hoạch trung hạn và hàng năm của đơn vị; quyết định chủ trương đầu tư mở rộng hoạt động, thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc; quyết định chủ trương lớn về tổ chức, nhân sự theo quy định của pháp luật; thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị để trình cấp có thẩm quyền quyết định; thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch, việc triển khai quy chế dân chủ, quyết định các vấn đề quan trọng khác của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản lý có từ 05 đến 11 thành viên, trong đó có đại diện của cơ quan quản lý cấp trên (cơ quan chủ quản); các thành viên của Hội đồng quản lý do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị bổ nhiệm.

Tuy nhiên, Điều 53 Luật Giáo dục năm 2005 và điều lệ của các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông đều có quy định Hội đồng trường là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục. Thủ tục thành lập, cơ cấu tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của hội đồng trường được quy định trong điều lệ nhà trường.

Điều 16 Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Điều 11 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 quy định Hội đồng trường được thành lập ở trường trung cấp cao đẳng, đại học, học viện công lập; Hội đồng trường ***là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của nhà trường***, có các nhiệm vụ, quyền hạn: Quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường; Quyết nghị phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục; Quyết nghị về cơ cấu tổ chức và phương hướng đầu tư phát triển của nhà trường; Quyết nghị về việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của cơ sở giáo dục đại học; Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. Hội đồng trường làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

Thành viên hội đồng trường gồm có: Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, bí thư đảng ủy, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện một số khoa, đại diện cơ quan chủ quản cơ sở giáo dục đại học; Một số thành viên hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh.

Chủ tịch hội đồng trường do thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm.

Thủ tục thành lập, số lượng và cơ cấu thành viên; nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng trường; nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tịch, thư ký hội đồng trường; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường được quy định cụ thể trong Điều lệ nhà trường.

2.3.4 Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Giai đoạn 2011- 2016, các đơn vị sự nghiệp công được thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP). Căn cứ vào nguồn thu sự nghiệp, đơn vị sự nghiệp được phân loại để thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo 3 loại:

- Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động);

- Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, phần còn lại được ngân sách nhà nước cấp (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động);

- Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp thấp, đơn vị sự nghiệp không có nguồn thu, kinh phí hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động).

Việc phân loại đơn vị sự nghiệp theo quy định trên được ổn định trong thời gian 3 năm. Sau thời hạn 3 năm sẽ xem xét phân loại lại cho phù hợp. Nghị định 43/2006/NĐ-CP cũng quy định rõ nội dung tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (nguồn tài chính, nội dung chi, tự chủ các khoản thu, mức thu, tự chủ về sử dụng nguồn tài chính...).

Đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính như sau:

+ Được tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động; được thành lập mới, sáp nhập giải thể các tổ chức sự nghiệp trực thuộc; được ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật; được tự quyết định số lượng biên chế (nếu đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm kinh phí hoạt động),..

+ Được Nhà nước đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang, thiết bị, giao nhiệm vụ và cấp kinh phí hoạt động thường xuyên từ ngân

sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ được giao; được thu phí dịch vụ sự nghiệp (theo quy định của Nhà nước) và được sử dụng nguồn thu phí để trang trải chi phí hoạt động.

+ Được trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội; tăng nguồn thu sự nghiệp nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động và phát triển các hoạt động sự nghiệp.

+ Phải xây dựng và công bố công khai chế độ quản lý tài chính, chế độ chi tiêu nội bộ của đơn vị, tập trung vào các quy định về chế độ công tác phí; chi tiêu hội nghị, tiếp khách, sử dụng văn phòng phẩm, điện thoại, sử dụng điện, ô tô, chi nghiệp vụ chuyên môn; mua sắm tài sản; tổ chức hoạt động dịch vụ, liên doanh liên kết; phương thức chi trả tiền lương và thu nhập tăng thêm cho người lao động, trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ ổn định thu nhập và quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Ngoài ra, đối với tổ chức sự nghiệp khoa học-công nghệ công lập thực hiện việc tự chủ theo các Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thực hiện việc tự chủ theo Nghị định số 85/2012/NĐ-CP. Đối với lĩnh vực đào tạo đại học, Chính phủ đã có Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 77/NQ-CP), cho phép các cơ sở giáo dục đại học công lập khi cam kết tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện.

Mặc dù trong từng lĩnh vực đã có những quy định đổi mới hơn nữa cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp, nhưng về cơ bản đến nay các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn thực hiện các quyền tự chủ tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP.

Căn cứ Thông báo số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/8/2012 của Chính phủ, ngày 14/02/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP*), là Nghị định khung quy định các vấn đề chung về cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp công lập). Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ vào Nghị định số 16/2015/NĐ-CP xây dựng và trình Chính phủ ban hành các nghị định quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực: y tế; giáo

dục đào tạo; dạy nghề; văn hoá thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP phân loại đơn vị sự nghiệp công lập thành 4 loại sau: Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Nghị định này đã đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp theo hướng đơn vị tự chủ càng cao về tài chính thì được tự chủ càng cao trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính; phân định rõ loại hình dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và loại hình dịch vụ công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để có bước đi và lộ trình phù hợp, xóa bỏ bao cấp qua giá, từng bước tính đủ chi phí; Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách sử dụng dịch vụ sự nghiệp công; đổi mới phương thức chi từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.3.5 Về thẩm quyền thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập

Các đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể và được quy định trong Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Viên chức, các Luật chuyên ngành như Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp, ... và các văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể như sau:

- Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền của Thủ tướng; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của luật chuyên ngành.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trong cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục; Đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của luật chuyên ngành.

- Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp

công lập theo quy định của luật chuyên ngành; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý; Quyết định thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành và của Bộ Nội vụ; Đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của luật chuyên ngành; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của luật chuyên ngành.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của luật chuyên ngành và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.3.5 Về thẩm quyền quản lý số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là biên chế sự nghiệp)

- Từ năm 2003 đến năm 2012, thực hiện Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/6/2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước và Nghị định số 112/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý biên chế đối với đơn vị sự nghiệp, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập đã được phân cấp để cho các Bộ, ngành, địa phương và cả các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc quản lý, sử dụng biên chế sự nghiệp. Đặc biệt là thẩm quyền quyết định biên chế sự nghiệp. Cụ thể như sau:

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định chỉ tiêu biên chế sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đâu gọi chung là cấp tỉnh) phê duyệt tổng biên chế sự nghiệp ở địa phương phù hợp với yêu cầu phát triển và khả năng ngân sách của địa phương.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên được tự quyết định biên chế của đơn vị mình.

- Từ năm 2012 đến 2015, việc quản lý biên chế sự nghiệp thực hiện Luật Viên chức, Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy

định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, Kết luận số 64-KL/TW, Quyết định số 253-QĐ/TW ngày 21/7/2014 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị, thẩm quyền quyết định biên chế sự nghiệp thực hiện như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt tổng biên chế sự nghiệp sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ.

+ Bộ Nội vụ quyết định biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

+ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phân bổ biên chế sự nghiệp đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự thuộc thẩm quyền quản lý nhưng không được vượt quá tổng biên chế sự nghiệp do cơ quan có thẩm quyền giao.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự quyết định biên chế sự nghiệp trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Từ năm 2016, việc quản lý biên chế sự nghiệp ngoài thực hiện theo các quy định như từ năm 2012, còn thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 9 năm 2016, nên thẩm quyền quyết định biên chế sự nghiệp vẫn thực hiện như từ năm 2012, tuy nhiên trường hợp tăng thêm số lượng người làm việc so với tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

II- ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NÓI CHUNG GIAI ĐOẠN 2011-2016

1. Thực trạng về tổ chức bộ máy, nhân lực và việc thực hiện chế độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2011-2016

Tổng hợp báo cáo của 28 Bộ, ngành và 57 địa phương (còn thiếu khu vực Đảng - đoàn thể, lực lượng vũ trang và 06 địa phương: Hải Phòng, Hòa Bình, Hà Tĩnh, Bình Phước, Đồng Nai, Phú Yên), có kết quả về hệ thống tổ chức và số

lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của các Bộ, ngành và địa phương trong giai đoạn 2011-2016 (số liệu chi tiết tại các phụ lục 1 và 2).

1.1 Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập

TT	Theo cấp quản lý và theo lĩnh vực	Năm						Năm 2016 so với 2011
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	
1.	**Tổng cộng (đơn vị)**	**54.448**					**53.914**	**-534**
1.1	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	38.204					38.157	-47
1.2	Y tế	8.152					7.888	-264
1.3	Văn hóa, thể thao và du lịch	1.534					1.497	-37
1.4	Khoa học và Công nghệ	333					627	294
1.5	Kinh tế và sự nghiệp khác	6.225					5.746	-479
2	**Bộ, ngành Trung ương**	**1.064**					**1.165**	**101**
2.1	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	296					324	28
2.2	Y tế	69					76	7
2.3	Văn hóa, thể thao và du lịch	38					42	4
2.4	Khoa học và Công nghệ	176					193	17
2.5	Kinh tế và sự nghiệp khác	485					531	46
3	**Địa phương**	**53.384**					**52.749**	**-635**
3.1	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	37.908					37.833	-75
3.2	Y tế	8.083					7.812	-271
3.3	Văn hóa, thể thao và du lịch	1.496					1.455	-41

3.4	Khoa học và Công nghệ	157					434	277
3.5	Kinh tế và sự nghiệp khác	5.740					5.215	-525

1.2 Về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập
(số liệu chi tiết tại phụ lục số 4)

TT	Theo thẩm quyền giao và cấp quản lý	Năm						Năm 2016 so với 2011
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	
1.	**Tổng cộng (người)**	**1.812.259**					**1.978.086**	**165.827**
1.1	Được cấp có thẩm quyền giao	1.668.115					1.798.144	130.029
1.2	Đơn vị tự quyết định	84.164					99.449	15.285
1.3	Hợp đồng lao động	59.980					80.493	20.513
2.	**Bộ, ngành Trung ương**	206.463					215.498	9.035
2.1	Được cấp có thẩm quyền giao	165.795					166.651	856
2.2	Đơn vị tự quyết định	31.178					36.760	5.582
2.3	Hợp đồng lao động	9.490					12.087	2.597
3.	**Địa phương**	1.605.796					1.762.588	156.792
3.1	Được cấp có thẩm quyền giao	1.502.320					1.631.493	129.173
3.2	Đơn vị tự quyết định	52.986					62.689	9.703
3.2	Hợp đồng lao động	50.490					68.406	17.916

1.3 Về việc thực hiện cơ chế tự chủ (số liệu chi tiết tại phụ lục 3)

STT	Theo mức độ tự chủ về tài chính và cấp quản lý	Năm						Năm 2016 so với 2011
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	
1	**Tổng cộng (đơn vị)**	**51.455**					**50.630**	**-825**
1.1	Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư						219 (0,43%)	219
1.2	Tự đảm bảo chi thường xuyên	1.613 (3,13%)					1.584 (3,13%)	-29
1.3	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	9.498 (18,46%)					9.531 (18,82%)	33
1.4	NSNN đảm bảo toàn bộ	40.344 (78,41%)					39.296 (77,62%)	-1.048
2	**Bộ, ngành Trung ương**	**1.012**					**1.165**	**153**
2.1	Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư						95	95
2.2	Tự đảm bảo chi thường xuyên	188					218	30
2.3	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	440					565	125
2.4	NSNN đảm bảo toàn bộ	384					287	-97
3	**Địa phương**	**50.443**					**49.465**	**-978**
3.1	Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư						124	124
3.2	Tự đảm bảo chi thường xuyên	1.425					1.366	-59
3.3	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	9.058					8.966	-92
3.4	NSNN đảm bảo toàn bộ	39.960					39.009	-951

2. Kết quả đạt được

2.1- Về cơ chế quản lý

a) Về quản lý nhà nước

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp ngày càng được hoàn thiện. Trong đó: Các văn bản Luật đã từng bước phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước về dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công lập. Các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ cũng tiếp tục đẩy mạnh phân cấp giữa Trung ương và địa phương về quản lý đơn vị sự nghiệp công lập, vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp công theo hướng càng tự chủ cao về tài chính sẽ được quyền tự chủ cao trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự.

- Các Bộ quản lý ngành đã ban hành các Thông tư hoặc Quyết định, Quy định hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập .... Qua đó từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tạo khung pháp lý để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển.

- Thực hiện chủ trương của Đảng về tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, thay thế cho Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chị trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Bên cạnh cơ chế tự chủ, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách liên quan như:

+ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 về sản xuất và cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích. Cùng với Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, Nghị định số 130/2013/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức, cá nhân ngoài công lập tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công, nâng

cao tính cạnh tranh, thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp công lập phải đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ;

+ Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước, với các sửa đổi, bổ sung về quản lý tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định này đã tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Theo đó, các nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất sạch, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với ưu đãi cao nhất.

+ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 về việc chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần. Đây là căn cứ pháp lý đầu tiên để thực hiện cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp.

- Đã ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với một số dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Về quản trị nội bộ

Mô hình quản trị nội bộ trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã được quy định trong các văn bản Luật, Nghị định của Chính phủ, như: Luật Giáo dục đại học quy định về thành lập Hội đồng trường với tư cách là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của nhà trường ở trường cao đẳng, trường đại học, học viện công lập, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên phải thành lập Hội đồng quản lý,... Thực tế hiện nay, một số trường đại học đã thành lập Hội đồng trường để thực hiện vai trò quản trị, đại diện quyền sở hữu của nhà trường.

c) Về cơ quan chủ quản đơn vị sự nghiệp công lập

Cơ quan chủ quản đã thực hiện việc quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về tổ chức, biên chế, nhân sự, tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật. Mặt khác, với cơ chế quản lý theo hướng không can thiệp sâu vào hoạt động nội bộ

của đơn vị sự nghiệp đã tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

d) Cơ chế giám sát và đánh giá

- Đã ban hành cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ công (giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, dạy nghề ...) tạo khung pháp lý để triển khai thực hiện công tác kiểm định dịch vụ công, đảm bảo theo quy trình thống nhất chặt chẽ

+ Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

+ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2011 quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề; Thông tư số 19/2010/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2010 quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trung tâm dạy nghề; Quyết định số 01/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/01/2008 quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp nghề; Quyết định số 02/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/01/2008 quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề.

- Cơ chế giám sát và đánh giá dựa trên sự hài lòng của người dân (người thụ hưởng dịch vụ sự nghiệp công) và các tổ chức đánh gia độc lập đã từng bước nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc giám sát và đánh giá đơn vị sự nghiệp công lập gắn với trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các cơ quan quản lý nhà nước đã tăng cường thực hiện việc thanh tra, giám sát hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2- Về cơ chế tài chính

a) Về cấp phát ngân sách, đầu tư

Từng bước hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước:

- Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của 08 Bộ, cơ quan ngang Bộ sau: Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giao

thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước.

- Để phù hợp với lộ trình đổi mới cơ chế quản lý phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, thực hiện chủ trương mở rộng quyền tự chủ tài chính gắn liền với chế độ tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngân sách nhà nước phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng ổn định kinh phí chi hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị có nguồn thu chưa đảm bảo bù đắp chi phí hoạt động 3 năm và hàng năm theo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước (không gắn với số lượng, chi phí và loại hình dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng); ưu tiên phân bổ kinh phí để đảm bảo thực hiện các chính sách, đề án phát triển của ngành, lĩnh vực, một số đơn vị sự nghiệp công lập trọng điểm và ở vùng kinh tế - xã hội còn kém phát triển. Đồng thời, khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập nâng cao quyền tự chủ tài chính, khai thác các nguồn thu hợp pháp để từng bước đảm bảo chi hoạt động thường xuyên, tăng cường chất lượng hiệu quả hoạt động, nâng cao đời sống người lao động.

- Về dự toán kinh phí: Tổng dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực sự nghiệp giai đoạn 2011- 2016 là 1.775.522 tỷ đồng. Theo số liệu báo cáo chưa đầy đủ của các Bộ, ngành, địa phương, tổng chi ngân sách nhà nước cấp giao tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2011-2016 là khoảng 417.748 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ khoảng 23% (trong đó ngân sách Trung ương là 52.805 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ khoảng 13%, ngân sách địa phương là 364.943 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ khoảng 87%).

- Triển khai thực hiện việc đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, việc phân bổ ngân sách nhà nước chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo nguyên tắc: Giảm dần hỗ trợ trực tiếp kinh phí đảm bảo thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tương ứng với tỷ lệ điều chỉnh tăng mức thu học phí, viện phí theo lộ trình quy định của Chính phủ; dành nguồn hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng sử dụng dịch vụ, đặc biệt là người nghèo, đối tượng chính sách, ưu tiên kinh phí để thực hiện các chính sách, chương trình, đề án và mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, thực hiện cải cách tiền lương và các nội dung cấp bách khác của ngành, lĩnh vực.

Trong năm 2017, đối với lĩnh vực y tế, dự toán ngân sách nhà nước trung ương đã giảm 530 tỷ đồng so với dự toán năm 2016, tương ứng 50% số thu dự kiến tăng thêm theo lộ trình kết cấu tiền lương vào giá dịch vụ khám chữa bệnh; đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giảm 410 tỷ đồng so với dự toán 2016.

- Trong thời gian tới, khi các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử

dụng kinh phí ngân sách nhà nước, việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước sẽ gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công được cung cấp, giá cung cấp dịch vụ và nhu cầu sử dụng để đảm bảo hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước, tránh lãng phí; có lộ trình cụ thể thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước để tạo điều kiện cho cơ sở ngoài công lập cùng tham gia cung cấp; giảm dần các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, giao kế hoạch.

b) Tài sản công trong đơn vị sự nghiệp công lập

Triển khai Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 23/2016/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập. Thông tư đã tháo gỡ được những "nút thắt" trong quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Về thuế, phí, giá, tín dụng, liên doanh liên kết, hợp tác công tư

- Về giá - phí:

+ Theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, đối với các khoản thu đã có khung mức thu của nhà nước thì đơn vị được tự xác định mức thu cụ thể nhưng không được vượt quá khung mức thu do cơ quan có thẩm quyền quy định; đối với các khoản thu hoạt động dịch vụ, đơn vị sự nghiệp công lập được quyết định các khoản thu theo nguyên tắc bảo đảm đủ bù đắp chi phí và có tích lũy.

+ Theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, đối với loại dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do đơn vị tự xác định giá dịch vụ theo nguyên tắc thị trường. Đối với loại dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước sẽ do Nhà nước ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công và Nhà nước định giá; đồng thời quy định lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công để phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và thu nhập của người dân.

+ Thực hiện Luật phí, lệ phí năm 2015 có 17 khoản phí được chuyển sang thực hiện theo cơ chế giá dịch vụ do Nhà nước định giá và các khoản phí được chuyển sang cơ chế giá thị trường mà Nhà nước không định giá (trừ dịch vụ giáo dục, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh... tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành). Trong số 17 dịch vụ do Nhà nước định giá, có 12 dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của các Bộ, ngành (phần còn lại thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố), trong đó có 6 dịch vụ thuộc danh mục sự nghiệp công của các Bộ, ngành quản lý.

- Liên doanh, liên kết, hoạt động công - tư (PPP):

+ Các đơn vị sự nghiệp chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao, mở rộng việc cung cấp dịch vụ công cả về quy mô và chất lượng, phát triển nguồn thu sự nghiệp. Các đơn vị sự nghiệp công lập đã huy động nguồn vốn phát triển hoạt động sự nghiệp[1]:

+ Theo quy định, đơn vị sự nghiệp công lập được tự chủ trong việc huy động các nguồn vốn để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, phát triển hoạt động sự nghiệp; thông qua các hình thức vay vốn các tổ chức tín dụng, vay vốn kích cầu, huy động vốn của công chức, viên chức trong đơn vị, liên doanh liên kết lắp đặt thiết bị (chủ yếu trong lĩnh vực y tế). Do đó, cơ sở vật chất của các đơn vị sự nghiệp công lập được tăng cường, tạo điều kiện mở rộng các hoạt động sự nghiệp phong phú, đa dạng phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

+ Trong lĩnh vực y tế, trong thời gian qua hình thức liên doanh, liên kết để đầu tư trang thiết bị y tế là hình thức huy động vốn được nhiều bệnh viện triển khai thực hiện. Nếu như giai đoạn 2006-2011, hình thức huy động vốn này mới chỉ chủ yếu có tại các bệnh viện tuyến trung ương và một số thành phố lớn (tại các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế ước khoảng 951 tỷ đồng với 108 đề án) thì đến nay trong ngành y tế (cả trung ương và địa phương) đã triển khai khoảng 810 đề án liên doanh, liên kết lắp đặt thiết bị phục vụ hoạt động dịch vụ của các cơ sở y tế công lập với tổng số vốn là 3.882 tỷ đồng.

Bên cạnh hình thức liên doanh liên kết lắp đặt thiết bị, các cơ sở y tế công lập còn triển khai các dự án vay vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, qua đó đã giúp các bệnh viện mở rộng cơ sở vật chất, có thêm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn trong điều kiện nguồn vốn đầu tư của bệnh viện còn khó khăn. Theo báo cáo của Bộ Y tế, đã có 28 dự án thuộc các bệnh viện tỉnh và 09 bệnh viện Trung ương đã ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng để đầu tư cơ sở hạ tầng và mua sắm bổ sung trang thiết bị với tổng số vốn vay khoảng gần 2.000 tỷ đồng.

+ Trong lĩnh vực giáo dục đại học, có 02 trường đã thực hiện được các Dự án mới từ nguồn vốn tự có của đơn vị là:

(1) Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Dự án cải tạo hiện đại hóa Thư viện phục vụ nghiên cứu khoa học và học tập: 20 tỷ đồng);

(2) Trường Đại học Tôn Đức Thắng triển khai 2 công trình: Thư viện và

[1] Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước quy định: *Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính có Dự án vay vốn thuộc Danh mục vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 32/2017/NĐ-CP được Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, cho vay vốn theo quy định.* Theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển Việt Nam thì hiện không có tồn tại, vướng mắc liên quan đến chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước đối với cho vay đơn vị sự nghiệp công lập và đơn vị ngoài công lập.

Trung tâm giáo dục quốc tế với tổng mức đầu tư 210 tỷ đồng và Nhà điều hành trung tâm tại cơ sở Bảo Lộc với tổng mức đầu tư 33 tỷ đồng.

+ Một số trường đã chủ động tham gia liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước cũng như các cơ sở đào tạo có uy tín ở nước ngoài, giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến, hiện đại.[2]

- Chính sách ưu đãi về thuế đối với dịch vụ sự nghiệp công xã hội hóa: Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Đơn vị chưa thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai thì nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu (với tỷ lệ 1%, 2%, 5%).

+ Đơn vị thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai thì nộp thuế TNDN theo mức thuế suất ưu đãi (thuế suất 10%, 20%), đồng thời có miễn thuế đối với các đơn vị thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; mới thành lập trong lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường. Đây cũng là mức ưu đãi cao nhất trong quy định của pháp luật về thuế.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thuế, tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã thực hiện ưu đãi miễn, giảm cho các dự án xã hội hóa giai đoạn 2011 - 2015 là khoảng 159 tỷ đồng.

- Chính sách ưu đãi về tín dụng:

+ Theo báo cáo của Ngân hàng phát triển Việt Nam, tính đến cuối năm 2016 đã triển khai cho vay đối với 94 dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa với tổng số vốn giải ngân là khoảng 7.022 tỷ đồng/9.652 tỷ đồng được Ngân hàng đã duyệt cho vay. Trong giai đoạn 2011-2016: Doanh số cho vay các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục là: 2.098 tỷ đồng; dự nợ cho vay: 1.716 tỷ đồng; nợ quá hạn là: 1,1 tỷ đồng.

+ Chính sách cho vay theo chương trình 18 bệnh viện công cần giải quyết cấp bách tình trạng quá tải theo Thông báo số 220/TB-VPCP ngày 2/11/2007, theo đó nguyên tắc thu xếp vốn cho các dự án này là nguồn ngân sách nhà nước 30% và nguồn vốn vay là 70%. Tuy nhiên, chỉ có 7/18 dự án vay vốn tại Ngân hàng phát triển do các bệnh viện này được hỗ trợ cho vay từ Quỹ đầu tư đô thị

[2] Trường Đại học Kinh tế quốc dân đã liên kết đào tạo Thạc sĩ với Đại học Quản trị Paris (Pháp); Trường Đại học Ngoại thương đã thực hiện gia hạn 02 chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài; Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã triển khai thêm chương trình liên kết đào tạo 2-2 với Đại học Pengchu, Đại học MingChi, Đại học Donghwa (Đài Loan), chương trình đào tạo 2,5-1,5 với Đại học Taylor (Malaysia)...

của thành phố. Đến nay, cơ bản các dự án đều đã hoàn thành đầu tư, đưa vào khai thác sử dụng, thực hiện trả nợ theo đúng Hợp đồng tín dụng.

d) Về hạch toán, kế toán, kiểm toán của đơn vị sự nghiệp công lập

Đa số các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm kinh phí thường xuyên đã thực hiện hạch toán như doanh nghiệp.

đ) Về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Hiện nay số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thành công ty cổ phần còn hạn chế (có 01 đơn vị sự nghiệp công lập ở trung ương đã chuyển đổi thành công ty cổ phần, 03 đơn vị đã thực hiện quy trình cổ phần hóa và 01 địa phương là tỉnh Bắc Kạn xin chủ trương chuyển đổi 02 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành công ty cổ phần theo hình thức bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ). Cụ thể như sau:

- Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương (Bệnh viện GTVT TW) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GTVT đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án thí điểm cổ phần hóa (vốn điều lệ của Công ty cổ phần Bệnh viện GTVT TW là 168 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 30%/vốn điều lệ, bán ưu đãi cho người lao động 10,52%/vốn điều lệ, nhà đầu tư chiến lược 30%/vốn điều lệ và bán đấu giá công khai 29,48%/vốn điều lệ). Bệnh viện và Nhà đầu tư cùng quản lý theo đúng mô hình công ty cổ phần (có hội đồng quản trị).

Về tình hình hoạt động của Bệnh viện sau khi chuyển đổi: Mặc dù bệnh viện không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên như trước đây (khoảng 25 tỷ/năm) nhưng vẫn đảm bảo được tiền lương, thu nhập cho người lao động, việc kiểm soát chi phí cũng tốt hơn và đảm bảo chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh. Hiện nay, Lãnh đạo bệnh viện đang tiến hành lựa chọn, xây dựng mục tiêu ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của bệnh viện trong thời gian tới và cổ đông chiến lược đã thuê tổ chức tư vấn quốc tế khảo sát để đầu tư mở rộng bệnh viện.

Hiện nay, Bệnh viện Giao thông vận tải đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nhưng giá dịch vụ khám chữa bệnh cho người có thẻ BHYT phải thực hiện áp dụng đồng hạng theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC, trong đó theo lộ trình tính giá năm 2016 chưa được tính các yếu tố chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí quản lý bệnh viện, yếu tố chi phí tiền lương trong đơn giá dịch vụ khám chữa bệnh là tính trên tiền lương của viên chức sự nghiệp theo hệ số tiền lương của thang bảng lương hành chính. Điều này sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

- 03 đơn vị đã thực hiện quy trình cổ phần hóa gồm: **(i)** Trung tâm Y tế - Bệnh viện Dệt May (thuộc Bộ Công thương). Tuy nhiên, ngày 15/7/2016 Lãnh đạo Chính phủ có ý kiến chỉ đạo: *"Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét, quyết định việc tiếp tục cổ phần hóa các trung tâm y tế, bệnh viện sau khi đánh giá kết quả cổ phần hóa Bệnh viện GTVT TW"*; **(ii)** Học viện Hàng không Việt Nam và Trường trung cấp nghề GTVT (thuộc Bộ GTVT) đã thực hiện quy trình cổ phần hóa. Tuy vậy, Bộ GTVT đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép dừng cổ phần hóa 02 đơn vị này theo tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/TW.

- Theo báo cáo chưa đầy đủ, một số địa phương đã xây dựng phương án và đang thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, cụ thể như sau:

+ Quảng Bình: 03 đơn vị (Trung tâm Du lịch Phong Nha Kẻ Bàng; Trung tâm du lịch và quản lý bến xe; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới).

+ Quảng Nam: 09 đơn vị (Ban quản lý các công trình công cộng Tam Kỳ; Trung tâm Đăng kiểm thủy bộ Quảng Nam; Trung tâm kỹ thuật xây dựng; Viện Quy hoạch đô thị và Nông thôn; Ban quản lý bến xe; Trung tâm tư vấn xây dựng BQL Điện Nam- Điện Ngọc).

+ Thanh Hóa: 01 đơn vị (Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới).

+ Thái Bình: 02 đơn vị (Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới; Trung tâm dịch vụ khu công nghiệp).

+ Quảng Ninh: 03 đơn vị (Trung tâm khoa học kỹ thuật và sản xuất giống thủy sản; Đoàn Khảo sát thiết kế lâm nghiệp Quảng Ninh; Trung tâm tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng nông nghiệp).

+ Hải Dương: 02 đơn vị (Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; Ban Quản lý các bến xe khách Hải Dương).

e) Về đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng:

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 về Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 về sản xuất và cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích.

Nghị định số 130/2013/NĐ-CP và Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg đã thay đổi phương thức sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ công sử dụng NSNN từ phương thức cơ quan Nhà nước giao nhiệm vụ và cấp kinh phí sang phương thức đấu thầu, đặt hàng *(nếu sản phẩm, dịch vụ công ích,*

dịch vụ sự nghiệp công đủ điều kiện đấu thầu, đặt hàng); tạo cơ hội cho các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ công, nâng cao tính cạnh tranh, thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp công lập phải chuyển đổi tư duy, đổi mới, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ mà trước đây mang thế độc quyền của các cơ sở nhà nước; tạo điều kiện thực hiện sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp.

g) Về tự chủ tài chính và xã hội hóa:

- Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm tăng lên. Theo kết quả tổng hợp của Bộ Tài chính (tổng hợp chưa đầy đủ của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương), đến năm 2016, cả nước có 32.942 đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao tự chủ tài chính (tăng 3.239 đơn vị so với năm 2011); cụ thể như sau:

+ Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí hoạt động: 1.316 đơn vị (4%), tăng 195 đơn vị so với năm 2011;

+ Đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi phí hoạt động: 11.588 đơn vị (35,2%), tăng 884 đơn vị so với năm 2011;

+ Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động: 20.038 đơn vị (60,8%), tăng 2.160 đơn vị so với năm 2011.

Trong đó:

+ Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Có 844 đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ về tài chính (tăng 43 đơn vị so với năm 2011); trong đó: 220 đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động (chiếm tỷ lệ 26%; trong đó có 19 trường đại học và 3 trường cao đẳng đang thí điểm thực hiện tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai doạn 2014-2017), tăng 12 đơn vị so với năm 2011; 515 đơn vị đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi phí (chiếm tỷ lệ 61%), tăng 33 đơn vị so với năm 2011 và 109 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (chiếm tỷ lệ 13%), tăng 10 đơn vị so với năm 2011.

+ Đối với các địa phương: Có 32.098 đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính (tăng 3.196 đơn vị so với năm 2011); gồm: 1.096 đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động (3%), tăng 195 đơn vị so với năm 2011, 11.073 đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi phí (35%), tăng 851 đơn vị so với năm 2011 và 19.929 đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (62%), tăng 2.150 đơn vị so với năm 2011.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính đã mở rộng hoạt động, phát triển nguồn thu sự nghiệp:

+ Số thu sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp theo hướng năm sau cao hơn năm trước, chủ yếu do mở rộng hoạt động sự nghiệp tăng quy mô và đa dạng hoá việc cung cấp dịch vụ cho xã hội, qua đó thu hút tăng số người tham gia thụ hưởng các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công.[3]

+ Theo tổng hợp của Bộ Tài chính (số liệu chưa đầy đủ của các Bộ và địa phương), tính đến hết năm 2016, tổng nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả nguồn thu phí được để lại) là 71.937 tỷ đồng *(trong đó số thu của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, cơ quan Trung ương là 31.270 tỷ đồng, của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương là 40.667 tỷ đồng),* tăng 12.124 tỷ đồng so với năm 2011. Một địa phương có số thu sự nghiệp lớn, như Tp.Hồ Chí Minh (20.556 tỷ đồng); Hà Nội (7.503 tỷ đồng); Thanh Hóa (1.920 tỷ đồng); Hải Phòng (1.655 tỷ đồng); Quảng Ninh (1.412 tỷ đồng); Quảng Bình (1.412 tỷ đồng); Hải Dương (1.253 tỷ đồng); Khánh Hòa (1.232 tỷ đồng)...

Nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên ngân sách nhà nước giao đã góp phần bảo đảm bù đắp một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ; trong đó các đơn vị tự bảo đảm chi phí hoạt động tự bảo đảm toàn bộ tiền lương, ngân sách nhà nước không phải bổ sung kinh phí khi thay đổi chế độ tiền lương; đối với các đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí, một phần thu sự nghiệp được huy động để bù đắp một phần nguồn tiền lương tăng thêm theo quy định giảm chi từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập đã tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho người lao động:

+ Về tiết kiệm chi: Đồng thời với việc khai thác nguồn thu, các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng các giải pháp quản lý nội bộ để tiết kiệm chi phí, như: xây dựng các tiêu chuẩn, định mức chi phí, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu... Theo báo cáo của các Bộ, ngành và địa phương, có nhiều đơn vị sự nghiệp tiết kiệm được chi thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sự nghiệp (có 143 đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan Trung ương đã thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên khoảng 1.020,9 tỷ đồng; có 1.486 đơn vị thuộc các địa phương đã thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên khoảng 650,6 tỷ đồng).

+ Về thu nhập tăng thêm của công chức, viên chức và người lao động trong các đơn vị: Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, từ kết quả hoạt động sự

[3] Trong lĩnh vực đào tạo các trường đã tổ chức các hình thức đào tạo tập trung, đào tạo từ xa, liên kết với nước ngoài mở khoa, lớp đào tạo, mời chuyên gia nước ngoài giảng dạy tại trường; liên kết đào tạo công nhân kỹ thuật cho các doanh nghiệp; trong lĩnh vực y tế, các bệnh viện mở nhiều hình thức khám chữa bệnh: nội trú, ngoại trú, khám chữa bệnh theo yêu cầu...)

nghiệp, đổi mới phương thức hoạt động, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các đơn vị sự nghiệp đã tạo nguồn tăng thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động của đơn vị. Theo báo cáo của các Bộ, ngành và địa phương, thu nhập tăng thêm của công chức, viên chức trong đơn vị sự nghiệp bình quân khoảng từ 0,5 đến 1,5 lần tiền lương cấp bậc (cá biệt một số đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đại học tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động đã thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động khoảng 2-3 lần như Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh). Ngoài việc tăng thu nhập cho công chức, viên chức, nhiều đơn vị đã trích lập được các quỹ (Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi).

- Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đã góp phần giúp các đơn vị đẩy mạnh tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để trở thành cơ sở cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có uy tín, chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và khu vực.

Theo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc thí điểm thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính và thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP của Chính phủ đã giúp các trường chủ động quyết định hướng nghiên cứu và tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ, từ đó thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học cũng như liên kết thực hiện các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ đối với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, đặc biệt là liên kết với các doanh nghiệp để tạo ra giá trị thực tiễn đối với các công trình nghiên cứu khoa học.

- Về xã hội hóa:

+ Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Trong đó, nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa được hưởng nhiều chính sách ưu đãi như: được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng; được hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; được hưởng mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp; được tham gia cung cấp các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật; được đối xử bình đẳng đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

+ Bước đầu đã thay đổi nhận thức của xã hội trong việc sử dụng các dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị sự nghiệp ngoài công lập cung ứng. Nhìn chung

các dự án xã hội hóa hoàn thành đưa vào sử dụng bảo đảm hoạt động đúng mục tiêu đã cam kết và phát huy hiệu quả, giải quyết việc làm cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, giảm bớt gánh nặng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho lĩnh vực xã hội hóa.

+ Đa dạng hoá loại hình, phương thức hoạt động và sản phẩm dịch vụ trong các lĩnh vực xã hội hóa. Tạo sự cạnh tranh, thúc đẩy nâng cao chất lượng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời từng bước đáp ứng được một phần nhu cầu sử dụng dịch vụ chất lượng cao của một bộ phận dân cư và góp phần giảm áp lực, sự quá tải trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Đã thu hút được một phần không nhỏ nguồn vốn đầu tư nước ngoài tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nhờ đó đã tiếp thu, áp dụng các kỹ năng quản lý, quản trị tiên tiến trong hoạt động dịch vụ sự nghiệp công.

2.3. Về hệ thống tổ chức và nhân lực

2.3.1 Về hệ thống tổ chức:

a) Từng bước hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2025; trung tâm dịch vụ việc làm giai đoạn 2016-2025; trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công trong cả nước giai đoạn đến năm 2020. Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Hệ thống các đơn vị sự nghiệp công đã từng bước được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả, giảm đầu mối để tập trung nguồn lực của Nhà nước và nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị. Đối với các đơn vị sự nghiệp công phục vụ quản lý nhà nước đã phát huy được vai trò, giúp các cơ quan nhà nước thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước. Đối với các đơn vị sự nghiệp công làm nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công cơ bản thiết yếu cũng đã từng bước đáp ứng được nhu cầu của người dân và từng bước nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, một số đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương được sắp xếp lại theo hướng thu gọn đầu mối như: (1) Hợp nhất các Trung tâm Xúc tiến trong các lĩnh vực đầu tư, thương mại và Du lịch thuộc các Sở để thành lập 01 Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ xúc tiến đầu tư cả 03 lĩnh vực trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (2) Sáp nhập các trung tâm

có cùng chức năng thuộc Sở Y tế (sáp nhập từ 2 đến 8 trung tâm hiện có của Sở Y tế) thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thuộc Sở Y tế; (3) Hợp nhất Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; (4) Hợp nhất các Ban Quản lý dự án (hoạt động với tính chất đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn); (5) Hợp nhất Trung tâm phát triển quỹ đất và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng tại một số địa phương; (6) Thực hiện sáp nhập Bệnh viện hạng III, Phòng khám đa khoa khu vực và Trung tâm Y tế cấp huyện để hình thành mô hình Trung tâm y tế huyện thực hiện 02 chức năng; (7) Kiện toàn Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh và các Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện thành một đầu mối; (8) Hợp nhất Trung tâm văn hóa, Trung tâm Thể dục Thể thao và Đài Phát thanh, truyền thanh cấp huyện thành một đầu mối ....

c) Các đơn vị sự nghiệp công đã chủ động trong việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy hoạt động của đơn vị mình theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tiết kiệm chi phí hoạt động.

2.3.2 Về nhân lực:

a) Nhân lực của hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập được kiện toàn về số lượng, đặc biệt là sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề và sự nghiệp y tế.

b) Đội ngũ công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn được giao và từng bước được nâng cao.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức của mình; được tự chủ trong chi trả tiền lương, thu nhập, qua đó thu hút người có tài năng, có trình độ để nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

3- Những hạn chế

3.1 Về cơ chế quản lý

a) Về quản lý nhà nước:

- Nhiều văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập chậm ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, dẫn đến thiếu tính đồng bộ trong việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đến nay, Chính phủ vẫn chưa ban hành cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập của 05 lĩnh vực, gồm: Y tế (do Bộ Y tế chủ trì)[6]; Văn hóa, thể thao và du lịch (do Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trì); Giáo dục nghề nghiệp (do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì); Thông tin truyền thông và báo chí (do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì); Giáo dục đào tạo (do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì) vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa trình Chính phủ ban hành.

- Về các định mức kinh tế kỹ thuật còn thiếu, khó khăn trong việc xác định đơn giá đặt hàng, đấu thầu, cũng như triển khai trong quản lý: Đến nay mới có 05 Bộ (Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) đã ban hành một số định mức kinh tế - kỹ thuật và đang tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung. Các Bộ còn lại (Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hiện nay vẫn chưa triển khai thực hiện.

- Việc ban hành quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công còn chậm và chưa thực sự quyết liệt trong việc sắp xếp tổ chức, còn mang tính chủ quan, thiếu khoa học; mới chủ yếu quy hoạch theo đơn vị hành chính mà chưa chú ý đúng mức đến địa bàn dân cư, đặc điểm vùng miền và nhu cầu thực tế.

- Để thực hiện được các giải pháp về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa gắn với quá trình tái cơ cấu chi ngân sách nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phụ thuộc rất lớn vào việc thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp. Tuy vậy, hiện nay việc triển khai lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công đang thực hiện rất chậm (đến nay, mới có lĩnh vực y tế đã ban hành khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có bảo hiểm y tế và không có bảo hiểm y tế; đối với các lĩnh vực sự nghiệp công khác vẫn chưa được các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện).

- Công tác quản lý nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công của một số Bộ, ngành, còn kém hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các đơn vị sự nghiệp còn nhiều hạn chế.

b) Mô hình quản trị

- Hầu hết các đơn vị sự nghiệp công lập chưa thành lập Hội đồng quản lý để thực hiện vai trò quản trị đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Một số trường đại học đã thành lập Hội đồng trường, tuy nhiên hoạt động của Hội đồng trường vẫn chưa thực hiện được vai trò là tổ chức quản trị của trường đại học.

[6] Đối với lĩnh vực y tế, trước đây (năm 2012), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập. Hiện nay, Bộ Y tế đang hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế để thay thế cho Nghị định số 85/2012/NĐ-CP.

- Việc giao quyền tự chủ toàn diện cho đơn vị sự nghiệp công lập, mà người quyết định là thủ trưởng đơn vị nên cũng dễ dẫn đến tình trạng "độc đoán, chuyên quyền", cần thiết phải có tổ chức quản trị để quyết định những vấn đề quan trọng và giám sát hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nhiều đơn vị sự nghiệp thủ trưởng giỏi chuyên môn, nhưng kiến thức về quản lý, quản trị vẫn còn hạn chế, nên vừa ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị, vừa ảnh hưởng đến thời gian dành cho chuyên môn sâu.

c) Về cơ quan chủ quản:

Cơ chế cơ quan chủ quản là các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không cho phép tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý hành chính đơn vị sự nghiệp công lập. Đây là vấn đề đã được nêu trong nhiều nghị quyết, nhưng đến nay chưa có hướng giải quyết.

d) Về cơ chế giám sát và đánh giá:

Chưa xây dựng được tiêu chuẩn dịch vụ và các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ công để kiểm định chất lượng cung ứng dịch vụ làm cơ sở cấp kinh phí hoạt động cho đơn vị sự nghiệp công và sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công hoạt động kém hiệu quả.

3.2 Về cơ chế tài chính

a) Về cấp phát ngân sách, đầu tư

- Việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước còn chậm, không thống nhất và chưa có hướng dẫn đầy đủ:

+ Đến nay mới có 02 lĩnh vực đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước là lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế (05 lĩnh vực còn lại chưa có danh mục được phê duyệt gồm: Khoa học và công nghệ, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, giáo dục nghề nghiệp, sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác); đồng thời, có 06 Bộ đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ quản lý và 04 địa phương đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của địa phương quản lý. (Theo quy định tại Nghị định số 16, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực quản lý. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành và địa phương ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý).

+ Việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công có sự không thống nhất:

(1) Có danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo lĩnh vực (y tế và dân số, giáo dục và đào tạo) và quy định thẩm quyền cho địa phương;

(2) Có danh mục dịch vụ sự nghiệp công của Bộ và không quy định thẩm quyền của địa phương (Bộ Thông tin và Truyền thông);

(3) Có danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ chuyên ngành (Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương), không quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công của cả ngành, lĩnh vực và quy định thẩm quyền của địa phương;

+ Nội dung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước kết cấu không thống nhất:

(1) Có Danh mục được phân chia thành 2 loại là NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí và bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá (y tế và dân số, giáo dục và đào tạo, giao thông vận tải);

(2) Có Danh mục không được phân chia thành 2 loại như trên mà chỉ đưa ra danh mục (Thông tin và Truyền thông; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương).

+ Các Bộ quản lý việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc các lĩnh vực khác nhau (kinh tế, giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế...) nhưng một số Bộ chỉ xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành dịch vụ sự nghiệp công theo lĩnh vực quản lý nhà nước (như Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 chỉ có danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc các lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa, đường bộ; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/2/2017 chỉ có danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, trồng trọt...).

Tuy nhiên, các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp thuộc chuyên ngành nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng... do các Bộ chuyên ngành quản lý lại không được quy định tại Quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp (Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 10/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo chỉ quy định dịch vụ giáo dục đại học, giáo dục trung cấp sư phạm và cao đẳng sư phạm...; Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định nhóm dịch vụ thuộc lĩnh vực giáo dục nghề

nghiệp: (i) Dịch vụ đào tạo nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; (ii) Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đối với ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu; các ngành chuyên môn đặc thù ...);

- Việc phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho dịch vụ công vẫn chủ yếu dành cho các đơn vị sự nghiệp công lập, chưa có cơ chế hỗ trợ tài chính đối với người sử dụng dịch vụ công (trừ việc thanh toán bảo hiểm y tế). Cách thức cấp phát theo cơ chế đặt hàng của Nhà nước còn chưa được áp dụng rộng rãi. Một số nhiệm vụ thực hiện cơ chế đặt hàng còn mang tính nhỏ lẻ, chỉ giới hạn trong một số chương trình, dự án.

- Việc phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí và đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động) còn mang tính bình quân, chưa có quy định tiêu thức kết hợp việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước với việc phải thực hiện khối lượng và chất lượng nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công được giao, vì vậy khó xác định hiệu quả của việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

b) Tài sản công trong đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính không được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết trong các trường hợp sau: (i) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 54 Luật đất đai năm 2013; (ii) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất theo quy định tại Điều 56 Luật đất đai năm 2013 trả tiền thuê đất một lần mà tiền thuê đất đã nộp có nguồn gốc NSNN; (iii) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng Nhà nước cho thuê đất theo quy định tại Điều 56 Luật đất đai năm 2013 trả tiền thuê đất hàng năm. Theo đó, khi thực hiện cơ chế giao vốn cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp thì các đơn vị này được sử dụng tài sản tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh liên kết; và phải tính khấu hao. Như vậy, sẽ vướng mắc so với quy định tại Luật Đất đai năm 2013.

c) Về thuế, phí, giá, tín dụng, liên doanh liên kết, hợp tác công tư

- Để thực hiện được các giải pháp về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa gắn với quá trình tái cơ cấu chi ngân sách nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phụ thuộc rất lớn vào việc thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp. Tuy vậy, hiện nay việc triển khai lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công đang thực hiện rất chậm (đến nay, mới có lĩnh vực y tế đã ban hành khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có bảo hiểm y tế

và không có bảo hiểm y tế; đối với các lĩnh vực sự nghiệp công khác vẫn chưa được các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện).

- Chính sách hai giá đang tồn tại trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, người sử dụng chọn sử dụng các dịch vụ công do các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp có giá cả thấp hơn, dẫn đến sự quá tải đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, không tạo động lực phát triển cho cả đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập.

- Một số đơn vị sự nghiệp công lập khi mở rộng hoạt động dịch vụ (liên doanh, liên kết trong hoạt động) chỉ chú trọng theo số lượng dịch vụ mà chưa quan tâm đến chất lượng hoạt động, lạm dụng kỹ thuật để tăng thu.

d) Hạch toán kế toán, kiểm toán

Công tác quản lý tài chính ở một số đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo theo các nguyên tắc hạch toán kinh tế đầy đủ, sử dụng kinh phí có hiệu quả, công khai minh bạch. Quy chế chi tiêu nội bộ, phân phối thu nhập còn mang tính bình quân, chưa gắn với hiệu quả và chất lượng công việc để khuyến khích người lao động đạt hiệu quả, chất lượng cao nhất.

đ) Về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 về việc chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần. Theo đó, các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện theo quy định được chuyển thành công ty cổ phần. Đây là cơ chế mới, có đặc thù và phức tạp riêng, vì vậy Chính phủ đang chỉ đạo triển khai thí điểm. Việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp sang công ty cổ phần đạt kết quả thấp.

Việc thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm, mức độ tự chủ chưa cao, nguồn thu sự nghiệp còn thấp, chủ yếu vẫn là ngân sách nhà nước cấp phát; chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá; chưa thực sự đồng bộ về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế với tự chủ về tài chính.

e) Về đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng:

- Số lượng danh mục sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công áp dụng các phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu còn hạn chế và chưa rõ ràng;

- Phương thức đấu thầu còn ít được áp dụng; Một số dịch vụ đã áp dụng theo phương thức đấu thầu nhưng chưa thực sự phát huy hiệu quả do đơn vị tham gia cung ứng còn ít;

- Một số quy định về điều kiện cũng như cách thức tổ chức thực hiện còn

trùng lắp, chưa nhất quán, có những nội dung chưa quy định cụ thể;

- Việc giao nhiệm vụ/giao kế hoạch, đặt hàng được thực hiện theo đơn giá dự toán, không sát thực tế, có thể dẫn đến thất thoát, lãng phí nguồn lực ngân sách nhà nước. Giá hợp đồng chưa được xác định theo cơ chế thị trường dẫn đến cơ chế xin - cho, không loại trừ yếu tố lợi ích nhóm trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ích; chưa bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; việc thực hiện hợp đồng còn thiếu chặt chẽ.

g) Về tự chủ tài chính và xã hội hóa:

- Công tác quản lý tài chính ở một số đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo theo các nguyên tắc hạch toán kinh tế đầy đủ, sử dụng kinh phí có hiệu quả, công khai minh bạch. Quy chế chi tiêu nội bộ, phân phối thu nhập còn mang tính bình quân, chưa gắn với hiệu quả và chất lượng công việc để khuyến khích người lao động đạt hiệu quả, chất lượng cao nhất.

- Thu nhập của người lao động giữa các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ (với mức độ tự chủ tài chính khác nhau, hay trong cùng mức độ tự chủ tài chính) có sự chênh lệch lớn; chưa phản ánh đúng sự đóng góp của người lao động, chủ yếu do yếu tố về địa bàn, lĩnh vực hoạt động hoặc ưu đãi của cơ chế đem lại: các đơn vị có thu nhập cao chủ yếu tập trung tại các thành phố lớn, nguồn thu chủ yếu từ phí, giá do nhà nước ban hành; một số đơn vị có ngành nghề độc quyền... ngược lại các đơn vị có thu nhập thấp do cơ chế chính sách không cho phép thu, hoặc đóng tại địa bàn khó khăn.

- Việc thực hiện xã hội hóa còn chậm, chưa thực sự tạo điều kiện đủ mạnh để xã hội hóa trong việc cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Một số đơn vị sự nghiệp công lập khi mở rộng hoạt động dịch vụ (liên doanh, liên kết trong hoạt động) còn chạy theo số lượng dịch vụ mà không quan tâm đến chất lượng hoạt động, lạm dụng kỹ thuật để tăng thu.

- Các chính sách khuyến khích và hỗ trợ cho các cơ sở ngoài công lập về vốn tín dụng ưu đãi và đất đai vẫn còn nhiều rào cản trong quá trình thực thi, chưa tạo lập được môi trường cạnh tranh bình đẳng thật sự giữa khu vực công lập và ngoài công lập. Nhiều chính sách ưu đãi về đất đai trong xã hội hóa được ban hành nhưng chưa được thực hiện đầy đủ ở các địa phương: Một số nhà đầu tư gặp vướng mắc về thủ tục xin giao đất, giải phóng mặt bằng.... Nguyên nhân: (i) Thiếu quy hoạch đất đai cho mục đích xã hội hóa; (ii) Địa phương không có sẵn quỹ đất công; (iii) Một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến xã hội hóa nên còn e ngại khi ưu tiên cho đơn vị sự nghiệp công lập thuê đất; (iv) Nguồn kinh tế của địa phương còn hạn hẹp, phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của ngân sách trung ương.

- Về mức độ phổ cập xã hội hóa trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp

công là không đồng đều, thường chỉ tập trung ở một số lĩnh vực, loại hình dễ thu lợi nhuận và tập trung ở các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển. Các chính sách khuyến khích xã hội hóa chưa phát huy nhiều tác dụng ở các địa bàn khó khăn do yếu tố lợi nhuận của các doanh nghiệp tham gia đầu tư.

- Về tư tưởng, nhận thức: Công tác phổ biến, tuyên truyền về việc áp dụng các chính sách khuyến khích xã hội hóa còn hạn chế, chưa đầy đủ về cách thức áp dụng, về tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của cơ sở xã hội hóa dẫn đến việc thực hiện các chính sách khuyến khích xã hội hóa gặp nhiều khó khăn và áp dụng không thống nhất giữa các địa phương (đặc biệt trong việc xác định điều kiện tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa để được hưởng các chính sách ưu đãi).

3.3. Về hệ thống tổ chức và nhân lực

3.3.1 Về hệ thống tổ chức

a) Việc ban hành quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công còn chậm và chưa thực sự quyết liệt trong việc sắp xếp tổ chức, còn mang tính chủ quan, thiếu khoa học; mới chủ yếu quy hoạch theo đơn vị hành chính mà chưa chú ý đúng mức đến địa bàn dân cư, đặc điểm vùng miền và nhu cầu thực tế.

- Ở Trung ương: Đến nay mới có 04 Bộ đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy hoạch mạng lưới đơn vị SNCL của Bộ quản lý, gồm: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Còn 07 Bộ, ngành chưa trình hoặc đang trong quá trình hoàn thiện để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về quy hoạch mạng lưới đơn vị SNCL (gồm: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin truyền thông, Bộ Xây dựng).

- Ở địa phương: Đến nay mới có 07 tỉnh đã ban hành quy hoạch mạng lưới các đơn vị SNCL trực thuộc địa phương, tuy nhiên cũng chưa đầy đủ, gồm: Quảng Bình (báo chí xuất bản, in phát hành), Lạng Sơn (tài nguyên môi trường; giao thông vận tải), Quảng Ninh (y tế; giáo dục đào tạo), Khánh Hòa (y tế và giáo dục-đào tạo), Hậu Giang (văn hóa, thể thao, du lịch; dịch vụ việc làm), Thanh Hóa (giáo dục - đào tạo; y tế,văn hóa, thể thao và du lịch; khoa học và công nghệ), Đà Nẵng (văn hóa, thể thao và du lịch; giao thông vận tải; kế hoạch và đầu tư).

b) Việc tổ chức các đơn vị sự nghiệp công chưa khoa học, chưa hợp lý, còn nhiều đầu mối, đặc biệt là nhiều đơn vị sự nghiệp công có quy mô nhỏ.

c) Vẫn còn có nhiều đơn vị sự nghiệp công trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động; còn nhiều đơn vị hoạt động trên các lĩnh vực dịch vụ công mà các tổ chức xã hội có thể cung ứng tốt, Nhà nước không cần phải thực hiện.

d) Hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công ở địa phương được tổ chức theo ngành, lĩnh vực và địa giới hành chính; có những ngành, lĩnh vực trên một địa bàn có nhiều đơn vị sự nghiệp, lãng phí trong sử dụng cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực và không hiệu quả.

đ) Các đơn vị sự nghiệp công lập chưa chủ động, chưa tích cực trong việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong.

3.3.2 Về nhân lực

a) Số lượng viên chức tăng nhanh, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế, chất lượng viên chức chưa cao, năng suất lao động thấp dẫn đến sự hài lòng của người dân với các dịch vụ công còn hạn chế.

b) Cơ cấu đội ngũ viên chức chưa hợp lý, tỷ lệ đội ngũ viên chức làm công tác phục vụ còn chiếm tỷ lệ cao. Do vậy, đội ngũ viên chức vừa thừa lại vừa thiếu, thừa người làm công tác thừa hành, phục vụ, thiếu người làm chuyên môn nghiệp vụ.

c) Các đơn vị sự nghiệp chưa chủ động trong việc cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

d) Công tác phân loại, đánh giá viên chức còn hình thức, nên không đánh giá được thực chất chất lượng của viên chức để làm cơ sở sắp xếp lại đội ngũ viên chức.

đ) Còn thiếu gắn kết giữa công tác quy hoạch, sử dụng viên chức với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của viên chức. Công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo bồi dưỡng viên chức của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và cơ quan, đơn vị được giao mở lớp chưa được tiến hành thường xuyên.

e) Nhiều đơn vị sự nghiệp số lượng biên chế và người làm việc nhiều nhưng công việc thực tế giải quyết ít, do nhu cầu dịch vụ công của xã hội thu hẹp như: Giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp, dạy nghề... dẫn tới lãng phí về tiền lương, cơ sở vật chất...

g) Thu hút nhân tài vào làm việc trong đơn vị sự nghiệp còn hạn chế do môi trường làm việc, chính sách tiền lương còn chưa hợp lý, thủ tục còn quá phiền hà.

4- Nguyên nhân của những hạn chế

a) Việc thể chế hóa các chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước còn chậm và chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chưa theo kịp với tình hình phát triển. Nhiều chính sách là tiền đề, là điều kiện quan trọng của việc giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm được ban hành, sửa đổi, bổ sung, như: Chế độ thu viện phí, chế độ thu học phí, hệ thống các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở để các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đã làm hạn chế tính tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp.

b) Công tác chỉ đạo việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập của các cấp ủy Đảng, lãnh đạo một số Bộ, ngành, địa phương và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn thiếu quyết liệt, chưa được quan tâm đúng mức.

c) Việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập của một số Bộ, ngành quản lý lĩnh vực còn chậm, chưa triệt để. Lộ trình tính giá dịch vụ công triển khai chậm.

d) Chưa xác định được bước đi cụ thể, phù hợp để chỉ đạo triển khai chuyển đổi hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Cơ chế quản lý và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp chưa được đổi mới đồng bộ; chưa tách bạch giữa quản trị đơn vị với điều hành chuyên môn.

e) Công tác tuyên truyền, quán triệt chưa thường xuyên, chưa thay đổi được nhận thức của người dân khi thụ hưởng dịch vụ sự nghiệp công là phải cùng tham gia với Nhà nước trong việc chia sẻ, đóng góp chi phí sử dụng dịch vụ sự nghiệp công.

g) Tư duy của một bộ phận người đứng đầu và viên chức ở nhiều đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước, còn chậm đổi mới, chưa chủ động chuyển sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự cân đối chi phí hoạt động thường xuyên.

h) Chưa hoàn thiện các tiêu chí để đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động của một số loại hình đơn vị sự nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công để làm cơ sở cấp kinh phí hoạt động cho đơn vị sự nghiệp công và để sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công hoạt động kém hiệu quả.

i) Công tác quy hoạch, sắp xếp mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập của các Bộ, ngành, địa phương còn chậm; chưa kiên quyết trong việc sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc chuyển đổi hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập.

k) Công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị sự nghiệp trong việc thực hiện các quy định của pháp luật chưa thường xuyên.

l) Chưa có chế tài xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện nghiêm các quy định.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ CÔNG ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NGOÀI CÔNG LẬP

1- Quy định của pháp luật

2- Hệ thống tổ chức và nhân lực các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

2.1.Về tổ chức bộ máy

a) Đến ngày **31/12/2011**, số đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương như sau:

- Chia theo cấp quản lý:

+ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thuộc Bộ, ngành:

+ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thuộc địa phương:

- Chia theo lĩnh vực:

+ Đơn vị sự nghiệp giáo dục: 3.421 đơn vị

+ Đơn vị sự nghiệp y tế: ....

+ Đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch: ....

+ Đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực khác: ....

b) Đến ngày **31/12/2016**, số đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương như sau:

- Chia theo cấp quản lý:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, ngành:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương:

- Chia theo lĩnh vực:

+ Đơn vị sự nghiệp giáo dục: 2.868 đơn vị

+ Đơn vị sự nghiệp y tế: ....

+ Đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch: ....

+ Đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực khác: ....

2.2. Về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

- Tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp ngoài công lập của Bộ, ngành, địa phương được giao năm 2011 là: ..... người. Trong đó: Ở Trung ương là ... người; địa phương là .... người. Cụ thể như sau:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 101.203 người;

+ Sự nghiệp y tế: ... người;

+ Sự nghiệp văn hóa - thể thao và du lịch: ... người;

+ Sự nghiệp khoa học và công nghệ: ... người;

+ Sự nghiệp khác: ... người.

- Tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp ngoài công lập của Bộ, ngành, địa phương tại thời điểm 31/12/2016 là: ... người. Trong đó: Ở Trung ương là ... người; địa phương là ... người. Cụ thể như sau:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 92.708 người;

+ Sự nghiệp y tế: ... người;

+ Sự nghiệp văn hóa - thể thao và du lịch: ... người;

+ Sự nghiệp khoa học và công nghệ: ... người;

+ Sự nghiệp khác: ... người.

3- Đánh giá việc triển khai

3.1- Những kết quả chính đã đạt được

3.2- Tồn tại, hạn chế

3.3- Nguyên nhân

IV. KINH NGHIỆM NGOÀI NƯỚC

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VÀ TỔ CHỨC LẠI HỆ THỐNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

I- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các đơn vị sự nghiệp công lập với ngoài công lập để toàn xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc ít người được thụ hưởng chất lượng của các dịch vụ công ở mức độ ngày càng cao.

- Tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng hợp lý, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, giảm tỷ trọng chi ngân sách nhà nước cho dịch vụ công, *tạo điều kiện tái cơ cấu lại ngân sách nhà nước tạo nguồn để* cải cách chính sách tiền lương; *đồng thời có chính sách thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển dịch vụ sự nghiệp công.*

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2020:

- Phấn đấu 100% các dịch vụ công có định mức kinh tế - kỹ thuật;

- Phấn đấu100% các dịch vụ công được tính giá bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí phù hợp với ngân sách nhà nước, khả năng chi trả của người dân và ổn định kinh tế vĩ mô;

- Phấn đấu 100% các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trong đó có 30% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

b) Đến năm 2025:

- Phấn đấu 100% các cơ sở khám chữa bệnh, trường đại học, cơ sở dạy nghề tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên;

- Phấn đấu giảm 30% số lượng các tổ chức khoa học và công nghệ;

II- QUAN ĐIỂM

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường sự quản lý nhà nước, phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đạt được mục tiêu đề ra. Những việc đã đúng, đã rõ thì kiên quyết chỉ đạo làm ngay; những việc cần chỉ đạo thí điểm thì tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm, bổ sung, hoàn thiện, không cầu toàn.

- Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công trên cơ sở khả năng tự chủ về tài chính của đơn vị, phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng *giảm mạnh tổ chức bộ máy, biên chế khắc phục tình trạng manh mún, phân tán, dàn trải trong việc tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập và trùng lặp về nhiệm vụ giữa các đơn vị sự nghiệp công lập.*

- Thực hiện minh bạch hóa trong các hoạt động liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công; khắc phục tình trạng công - tư lẫn lộn.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí để các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc ít người có điều kiện thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; Đối với các đối tượng còn lại, thực hiện chính sách chia sẻ chi phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, theo nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí và người sử dụng dịch vụ đóng góp một phần chi phí sử dụng dịch vụ công.

- Từng bước *chuyển dần cơ chế chủ quản đối với đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành về cho chính quyền địa phương* (xóa bỏ cơ quan chủ quản đối với đơn vị sự nghiệp công lập). Phát triển dịch vụ công để trở thành một ngành kinh tế của đất nước.

- Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc nâng cao số lượng và chất lượng dịch vụ, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Nhóm giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Tăng cường công tác tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu của việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công để thống nhất và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, công chức, viên chức trong cả hệ thống chính trị và tạo sự đồng thuận của nhân dân về chủ trương đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập.

2- Nhóm giải pháp đổi mới cơ chế quản lý

a) Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tách việc quản lý nhà nước với quản trị đơn vị sự nghiệp công lập và việc cung ứng dịch vụ công; cơ quan quản lý nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động nội bộ của đơn vị sự nghiệp công lập. *Nghiên cứu xây dựng Luật sự nghiệp công trong năm 2019.*

b) Xây dựng, hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật đối với từng loại hình dịch vụ công; tiêu chí phân loại, xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập; tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chất lượng dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực.

c) Rà soát, hoàn thiện các quy định về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Hội đồng trường đối với cở sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập để bảo đảm Hội đồng quản lý hoặc Hội đồng trường là tổ chức quản trị đối với đơn vị sự nghiệp công lập quyết định những vấn đề quan trọng của đơn vị sự nghiệp công lập.

3- Nhóm giải pháp đổi mới cơ chế tài chính

a) Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở mức tự chủ về tài chính theo hướng tăng cường phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp công lập; nghiên cứu *bổ sung một loại hình đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và một phần chi đầu tư.*

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và một phần chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên được quyết định thu giá dịch vụ trên cơ sở khung giá tính đủ các chi phí cần thiết do cấp có thẩm quyền ban hành; *thực hiện hạch toán như doanh nghiệp*; được Nhà nước giao vốn và

bảo toàn, phát triển vốn; được quyền quyết định việc sử dụng tiền vốn, tài sản gắn với nhiệm vụ được giao; được huy động vốn, góp vốn liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác trong việc thành lập các tổ chức kinh tế mới, có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật để mở rộng việc cung cấp dịch vụ công; được tự quyết định biên chế và trả lương trên cơ sở hiệu quả, chất lượng công việc.

b) Xây dựng và hoàn thiện các danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước *theo nguyên tắc: Đối với các dịch vụ công quan trọng cần thiết liên quan đến đời sống của người dân, Nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện; đối với các dịch vụ công mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực, thực hiện theo cơ chế đặt hàng, có lộ trình cụ thể thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ để tạo điều kiện cho các cơ sở ngoài công lập cùng tham gia cung cấp; đối với các dịch vụ công khác thực hiện theo cơ chế xã hội hóa, huy động sự tham gia cung ứng của các thành phần kinh tế trong xã hội.*

c) Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng Nhà nước quy định khung giá dịch vụ đối với các loại dịch vụ cơ bản, có vai trò thiết yếu đối với xã hội (học phí, viện phí), từng bước tính đủ các chi phí trong giá dịch vụ sự nghiệp.

d) Đổi mới cơ cấu và phương thức đầu tư của ngân sách nhà nước:

- Chuyển đổi phương thức giao dự toán ngân sách cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập sang thực hiện phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công dựa trên chất lượng dịch vụ đơn vị cung cấp, không phân biệt cơ sở công lập, ngoài công lập.

- Chuyển đổi cơ chế cấp ngân sách cho đơn vị cung ứng dịch vụ công sang cơ chế cấp cho đối tượng thụ hưởng; từ cấp theo số lượng biên chế sang cấp theo số lượng, chất lượng và giá dịch vụ công.

- Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người trong các lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, y tế dự phòng, khám chữa các bệnh phong, lao, tâm thần; văn hoá, thể dục, thể thao, bảo trợ xã hội... *Nhưng thực hiện phương thức hỗ trợ trực tiếp kinh phí cho các đối tượng để mua dịch vụ sự nghiệp công từ thị trường, thay vì chế độ miễn, giảm giá dịch vụ thông qua các đơn vị sự nghiệp công lập.*

4- Nhóm giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy

a) Rà soát, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng chuyển từ quy hoạch theo đơn vị hành chính sang quy hoạch theo nhu cầu của xã hội và thị trường. *Nếu thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập, thì đơn vị sự nghiệp đó phải tự bảo đảm về tài chính, trừ trường hợp nhà nước phải đầu tư.*

b) Rà soát, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo nguyên tắc *một đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng nhiều loại hình dịch vụ công* nhằm giảm đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ tương đồng thành một đầu mối.

- Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cùng một Bộ, ngành trên địa bàn cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng giảm tối đa đầu mối để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công, cụ thể như sau:

+ *Trên địa bàn tỉnh chỉ còn tối đa 01 đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành,* trừ lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, lao động - thương binh và xã hội, văn hóa - thể thao và du lịch;

+ *Trên địa bàn huyện chỉ còn tối đa 01 đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành, trừ lĩnh vực giáo dục - đào tạo.*

- Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo rà soát, quy hoạch lại mạng lưới các trường đại học và phổ thông theo hướng sáp nhập, hợp nhất các trường đại học trực thuộc tỉnh, thành phố về trực thuộc đại học quốc gia, đại học vùng hoặc giải thể các trường đại học trực thuộc tỉnh, thành phố hoạt động không hiệu quả; sáp nhập, hợp nhất các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thành trường phổ thông nhiều cấp học; *xóa bỏ các điểm trường đối với những nơi có đường giao thông đi lại thuận tiện.*

- Đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp quy hoạch mạng lưới các trường cao đẳng theo hướng sáp nhập trường trung cấp vào trường cao đẳng.

- Sắp xếp lại đối với những đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không có vai trò thiết yếu; những đơn vị cung cấp các dịch vụ công đã được các thành phần kinh tế khác cung cấp đáp ứng cơ bản nhu cầu xã hội; *giải thể các đơn vị sự nghiệp công hoạt động kém hiệu quả.*

- Chuyển một số tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động nghiên cứu cơ bản về trực thuộc các trường đại học, học viện để thúc đẩy gắn kết giữa nghiên cứu với đào tạo và hình thành đại học nghiên cứu.

c) Nghiên cứu để thực hiện việc thành lập *công ty cổ phần* trong một số đơn vị sự nghiệp công lập như viện nghiên cứu, trường đại học để ứng dụng các kết quả nghiên cứu ra thị trường.

d) Không quy định việc thành lập, mở rộng cơ cấu tổ chức bộ máy trong các văn bản pháp luật chuyên ngành.

đ) Tăng dần mức độ tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hàng năm; phấn đấu đến năm 2025, 100% trường đại học, bệnh viện, cơ sở dạy nghề... tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên trên cơ sở Nhà nước thực hiện lộ trình đảm bảo kinh phí hoạt động có thời hạn.

e) Kiên quyết chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần, trừ các bệnh viện, trường học. Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thì đẩy mạnh hoạt động theo cơ chế tự chủ, tiến tới tự chủ hoàn toàn, hạch toán như doanh nghiệp.

g) Chuyển một số tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động nghiên cứu ứng dụng có sản phẩm khoa học có khả năng thương mại hóa, có nguồn thu lớn thành doanh nghiệp hoặc chuyển về trực thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty để các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5- Nhóm giải pháp quản lý nhà nước

a) Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý:

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật để tạo điều kiện thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đúng các quy định của pháp luật.

b) Các Bộ, cơ quan Trung ương khác và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Tăng cường trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, ngành, địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công (bao gồm cả việc thực hiện xã hội hoá) đảm bảo chất lượng hoạt động dịch vụ sự nghiệp.

- Hoàn thiện chế độ thông tin báo cáo, công tác tài chính kế toán và trách nhiệm giải trình về kết quả đầu ra của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; hình thành các tổ chức kiểm định, đánh giá độc lập về chất lượng dịch vụ công theo ngành, lĩnh vực với sự tham gia của Nhà nước, các nhà chuyên môn và các đối tượng thụ hưởng dịch vụ.

c) *Từng bước chuyển dần cơ chế chủ quản đối với đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành về cho chính quyền địa phương, Bộ chỉ thực hiện chủ quản đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ* (Từng bước xóa bỏ cơ quan chủ quản đối với đơn vị sự nghiệp công lập; nghiên cứu thành lập cơ quan quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập.

6- Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

a) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tổ chức đánh giá, phân loại chất lượng đội ngũ viên chức và người lao động để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, bố trí, sử dụng hợp lý, hiệu quả đội ngũ này.

c) Đổi mới cơ chế, phương thức tuyển dụng, sử dụng viên chức (bao gồm cả lãnh đạo, quản lý); thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào thi tuyển; đổi mới các môn thi, nội dung thi trong tuyển dụng và thi thăng hạng viên chức.

d) Nghiên cứu thí điểm việc chuyển cơ chế quản lý viên chức sang chế độ hợp đồng lao động gắn với đổi mới chế độ đánh giá, đãi ngộ; thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Để lại 10% biên chế thực hiện xã hội hóa cho các Bộ, ngành, địa phương để chủ động bố trí biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thành lập mới hoặc được giao thêm nhiệm vụ nhằm khuyến khích các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh xã hội hóa.

7- Nhóm giải pháp xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công (chuyển sang cổ phần, PPP, ...)

a) Rà soát lại hệ thống cơ chế, chính sách hiện hành, sửa đổi các quy định về xã hội hóa không khả thi, không còn phù hợp, bổ sung các quy định còn thiếu.

b) Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, chính sách ưu đãi khuyến khích xã hội hóa dịch vụ công, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, chính sách giá dịch vụ (học phí, giá khám chữa bệnh, ...) để tạo hành lang pháp lý cho việc đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công.

c) Ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ các đơn vị chuyển đổi cơ chế hoạt động thông qua tiếp cận vốn vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc cung ứng dịch vụ công.

d) Khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài nhà nước, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, kể cả các chủ thể có yếu tố nước ngoài tham gia cung ứng và tiêu dùng dịch vụ công.

đ) Nghiên cứu việc thí điểm thành lập cơ sở khám chữa bệnh theo hình thức hợp tác công tư và mô hình quản trị bệnh viện như doanh nghiệp công ích.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I- THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đề án được thực hiện từ tháng 01 năm 2018.

II- SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp thu, trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, ban hành Nghị quyết về vấn đề này.

III- PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1- Đảng đoàn Quốc hội

- Lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh có liên quan để thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

- Lãnh đạo việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập tại các cơ quan: Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước.

2- Ban Cán sự đảng Chính phủ

- Chỉ đạo ban hành Kế hoạch của Chính phủ để triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương trong các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

- Lãnh đạo, chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và kế hoạch của Chính phủ.

3- Ban Tổ chức Trung ương

Chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng đoàn của các Đoàn thể nhân dân, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương thuộc khối các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể nhân dân; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

4- Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ

- Nghiên cứu xây dựng Luật sự nghiệp công; sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

- Phối hợp với Ban Cán sự đảng các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc xây dựng quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng cơ chế *thí điểm thi tuyển và thuê giám đốc điều hành trong các đơn vị sự nghiệp công lập.*

- Phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính xây dựng các nội dung đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

5- Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Ban Cán sự đảng các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng cơ chế hạch toán đầy đủ đầu vào - đầu ra đối với một số loại hình đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập.

- Chủ trì phối hợp với Ban Cán sự đảng các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trình Chính phủ ban hành cơ chế nhà nước cấp trực tiếp cho các đối tượng chính sách kinh phí để đối tượng chính sách thụ hưởng dịch vụ sự nghiệp công lập để thực hiện từ năm ngân sách 2019.

- Chủ trì, nghiên cứu đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

6- Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện việc tuyên truyền, thống nhất nhận thức và hành động về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập

7- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và kế hoạch, hướng dẫn của Chính phủ; thường xuyên tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Bộ Chính trị.

IV- NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Nguồn kinh phí xây dựng và triển khai thực hiện Đề án do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ để trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành Nghị quyết về những nội dung của Đề án./.